LƯU TRỮ HỌC VIỆT NAM – QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

PGS. Vương Đình Quyền

**I** **Khái niệm về lưu trữ học và đối tượng nghiên cứu.**

1. **Khái niệm về lưu trữ học**.

Lưu trữ học là một thuật ngữ được dùng khá phổ biến trong ngành Lưu trữ, nhưng lại ít được bàn thảo trên các tác phẩm về lĩnh vực này. Từ điển Lưu trữ Việt Nam giải thích : “Lưu trữ học là khoa học nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, pháp chế lưu trữ, lịch sử và tổ chức công tác lưu trữ, các phương pháp khoa học kỹ thuật lưu trữ,v.v…”[[1]](#endnote-1). Giáo trình Lý luân và thực tiễn công tác lưu trữ do Vương Đình Quyền chủ biên định nghĩa: “Lưu trữ học là bộ môn khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu và soạn thảo các vấn đề về lý luận, pháp chế và phương pháp của công tác lưu trữ. Khoa học này bao gồm những vấn đề chủ yếu như lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, lịch sử và tổ chức lưu trữ, thuật ngữ lưu trữ, pháp chế lưu trữ”[[2]](#endnote-2). Còn Từ điển Từ hải của Trung Quốc thì viết rằng ; “Lưu trữ học là khoa học nghiên cứu về tài liệu lưu trữ và quy luật của công tác lưu trữ. Chủ yếu nghiên cứu về sự phát sinh, hình thành, vận động và phát triển của tài liệu lưu trữ, qui luật và nguyên lý của thực tiễn công tác quản lý khoa học và sử dụng tài liệu lưu trữ, gồm lưu trữ học đại cương, khoa học quản lý công tác lưu trữ, quản lý tài liệu lưu trữ khoa học kỹ thuật. Hệ thống khoa học của nó do lý luận về lưu trữ học và ứng dụng lưu trữ học hợp thành, gồm khái luận về lưu trữ học, quản lỹ khoa học về lưu trữ, quản lý tài liệu khoa học kỹ thuật, kỹ thuật bảo quản tài liệu, văn thư học, lịch sử lưu trữ Trung Quốc và thế giới”[[3]](#endnote-3). Theo tôi, các định nghĩa nêu tên tuy có khác nhau về cách diễn đạt và sử dụng từ ngữ, nhưng dã tương đối thống nhất về nội hàm của lưu trữ học; đều xem lưu trữ học là khoa học nghiên cứu lý luận và phương pháp công tác lưu trữ, bao gồm cả các nghiệp vụ và kỹ thuật lưu trữ. Tuy nhiên, có một nội dung quan trọng mà giới lưu trữ học đã, đang nghiên cứu và biên soạn nhưng lại không đươc thể hiện ở nội hàm của khái niệm nói trên, đó là **thuật ngữ** **lưu trữ**. Thiết nghĩ, **thuật ngữ lưu trữ** là hệ thống từ chuyên môn để biểu thị các khái niệm liên quan đến công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ, là một thành phần quan trọng trong lý luận cơ bản về lưu trữ học. Nếu các thuật ngữ không được hiểu một cách chính xác, sẽ có thể dẫn đến những sai lầm trong nghiên cứu lý luận và giảỉ quyết vấn đề thực tiễn của công tác lưu trữ. Bởi vây, theo tôi nên xem việc nghiên cứu thuật ngữ như là môt phần không thể thiếu của lưu trữ học. Trên cơ sở những giải thích nói trên, có thể định nghĩa lưu trữ học như sau: Lưu trữ học là khoa học nghiên cứu các vấn đề lý luận và phương pháp công tác lưu trữ, pháp chế lưu trữ, các loại hình tài liệu lưu trữ, thuật ngữ lưu trữ, lịch sử lưu trữ

Trước đây, giới khoa học cho rằng, lưu trữ học là một bộ môn khoa học thuộc phạm trù khoa học xã hội. Thậm chí, Liên Xô và nhiều nước XHCN khác còn xem lưu trữ học là một bộ môn của khoa học lịch sử, bởi vì tài liệu lưu trữ là nguồn sử liệu chân xác nhất đối với việc nghiên cứu và biên soạn lịch sử. Nhưng ngày nay, cùng với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, tài liệu lưu trữ ngày càng đa dạng về loại hình; việc chế tác, tổ chức khoa học, tổ chức sử dụng cũng như cách thức bảo quản tài liệu ngày càng dựa nhiều vào khoa học và công nghệ; tài liệu lưu trữ cũng được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau của đời sống xã hội. Bởi vậy, sẽ thỏa đáng hơn nếu xem lưu trữ học là một khoa học có tính chất liên ngành; để làm tốt công tác lưu trữ, đòi hỏi viên chức lưu trữ phải được trang bị các loại kiến thức cần thiết về khoa học xã hội cũng như khoa học- công nghệ.

1. **Đối tượng nghiên cứu của lưu trữ học**.

Lưu trữ học có những đối tượng nghiên cứu chính dưới đây:

* Tài liệu lưu trữ: Nghiên cứu tài liệu lưu trữ để làm sáng tỏ thành phần, nội dung, tính chất, đặc điểm của tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ, các phương pháp tổ chức khoa học, khai thác sử dụng và bảo quản tài liệu…
* Kỹ thuật và phương pháp tiến hành các nghiệp vụ lưu trữ, kỹ thuật sồ hóa tài liệu.
* Pháp chế lưu trữ :Hệ thống luật pháp về lưu trữ cần được ban hành để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý.
* Quản lý lưu trữ: Gồm tổ chức bộ máy lưu trữ, nội dung, hình thức và phương pháp quản lý.
* Thuật ngữ lưu trữ: Hệ thống thuật ngữ lưu trữ, định nghĩa và cách sử dụng các thuật ngữ đó.
* Sự hình thành, vận động, phát triển, thành tựu của Lưu trữ Việt Nam và Lưu trữ các nước trên thế giới, những bài học lịch sử ...

**II. Sơ lược về sự ra đời của lưu trữ học**.

Xét trên phạm vi toàn cầu, công tác lưu trữ hình thành tư thời cổ đại ở một số quốc gia chiếm hữu nô lệ như Babilon, Ai Cập, Hy Lạp, La Mã. Thời bấy giờ, chính quyền trung ương của giai cấp chủ nô thống trị đã xây cất những nhà kho lưu trữ tài liệu hình thành ở các cơ quan để phục vụ cho hoạt động quản lý. Những tài liệu này cũng đã được phân loại, sắp xếp theo một trật tự nhất định. Tuy nhiên, để lưu trữ trở thành một khoa học, thì phải đến thế kỷ XVIII, XIX, khi công tác lưu trữ ở một số nước châu Âu như như Pháp, Đức, Hà Lan...đã bước đầu được đúc kết thành hệ thống lý luận, các vấn đề về nghiệp vụ lưu trữ được bàn luận trên các diễn đàn khoa học.; kết quả nghiên cứu về một số vấn đề chủ yếu của công tác lưu trữ được công bố trên các ấn phẩm. Ở các thế kỷ XVIII và XIX, nhiều nước châu Âu đã hoặc đang trong quá trình chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản, nhu cầu sử dụng tài liệu lưu trữ để phục vụ cho phát triển kinh tế, giải quyết tranh chấp ruộng đất,biên giới, xâm chiếm thuộc địa...trở nên phổ biến. Vấn đề đặt ra cho công tác lưu trữ là tài liệu cần tổ chức lưu giữ như thê nào để tìm kiếm nhanh chóng, thuận lợi, thỏa mãn được nhu cầu của người sử dụng. Ví dụ, tài liệu của viện Lưu trữ Quốc gia Páris được Viện trưởng Dônu phân loại theo đặc trưng đề mục, bất kể tài liệu đó thuộc cơ quan, tổ chức nào. Cụ thể được phân theo các nhóm dưới đây;

* Các đạo luật
* Tài liệu hành chính
* Tài liệu về lịch sử
* Tài liệu về địa hình
* Tài liệu về tài sản
* Tài liệu về pháp luật
* ...................

Tài liệu trong mỗi nhóm nói trên lại được phân chia thành các nhom nhỏ hơn theo đặc trưng vấn đề[[4]](#endnote-4). Phân loại tài liệu theo cách này được gọi là phân loại theo logic hình thức. Hạn chế chủ yếu của phương pháp phân loại này là làm cho tài liệu của các cơ quan, tổ chức bị phân tán, xé lẻ, không phản ánh trọn vẹn vấn đề, sự việc đã diễn ra trong thực tế, gây khó khăn cho việc tra tìm, sử dụng tài liệu, dĩ nhiên sẽ ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu và giải quyết các vấn đề, sự việc có liên quan. Trước thực tế đó, một số nhà lưu trữ đã nảy sinh ý tưởng phân loại tài liệu theo từng cơ quan, tổ chức. Đỉnh điểm là năm 1841, tại cuộc họp của Hội đồng Lưu trữ Pháp, nhà lưu trữ-cổ tự học nổi tiếng Natali de Vayli đã phê phán phương pháp phân loại của Dônu, đồng thời khẳng định ưu điểm của phương pháp phân loại theo phông. Ông phát biểu: “Phân loại theo phông và hồ sơ là phương pháp phân loại đúng đắn duy nhất đảm bảo cho việc sắp xếp tài liệu được chính xác và thống nhất. Cách phân loại này có nhiều ưu điểm, trước hết là dễ thực hiện hơn bất cứ một phương pháp phân loại nào khác được sử dụng trong thực tiễn. Bởi vì nó xác định được mối liên hệ của tài liệu”[[5]](#endnote-5). Phân loại tài liệu theo cách này được gọi là phân loại theo “nguyên tắc tôn trọng phông” (princip recpect des fonds).Thuật ngữ phông lưu trữ ra đời từ đây. Lưu trữ Pháp đã chính thức ứng dụng phương pháp phân loại theo nguyên tắc tôn trọng phông sau khi Chính phủ Pháp ban hành “Quy tắc sắp xếp và hệ thống hóa tài liệu trong các lưu trữ tỉnh và xã” ngày 24 tháng 4 năm 1881.

Theo bản Quy tắc này, thì cơ sở để sắp xếp tài liệu là phân loại tài liệu theo phông của cơ quan, đoàn thể hoặc gia đình. Trong phạm vi từng phông có thể phân tài liệu thành các nhóm theo đặc trưng vấn đề, thứ tự thời gian, lãnh thổ hoặc các đặc trưng khác. Nguyên tắc tôn trọng phông đã được Lưu trữ Đức cải biến thành “nguyên tắc tôn trọng nguồn gốc”, hay còn gọi là “nguyên tắc xuất sinh” (Provenienr prinzip). Cốt lõi của nguyên tắc này là khi phân loại tài liệu theo phông và đưa vào lưu trữ phải tôn trọng trật tự sắp xếp ban đầu ở văn thư, nếu đã bị xáo trộn thì phải khôi phục lại[[6]](#endnote-6). Nguyên tắc xuất sinh đã và đang được đề cao và ứng dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới.

Cũng trong thế kỷ XIX,một số sách và tạp chí về lưu trữ và thư viện đã được ấn hành ở một số nước châu Âu, như sách “Hướng dẫn phương pháp bảo quản hồ sơ trong các viện lưu trữ” (xuất bản năm 1839) , “Chỉ dẫn phương pháp phân loại tài liệu” (xuất bản năm 1840) và Tập san “Lưu trữ và Thư viện của Pháp; “Kỷ yếu về lưu trữ và thư viện” của Bỉ ; Tập san định kỳ “Thông báo của cơ quan lưu trữ Phổ” của Đức. Tác phẩm lưu trữ có tính học thuật cao nhất là “Sách hướng dẫn săp xếp và biên mục tài liệu lưu trữ” của 3 nhà lưu trữ học Hà Lan Samuel Muller, Johan Feite và Robert Fruinr xuất bản năm 1898. Tác phẩm chủ yếu trình bày về phân loại tài liệu, lý luận và thực tiễn của nguyên tăc xuất sinh[[7]](#endnote-7). Sách đã được dịch ra các thứ tiếng Pháp, Đức, Italia... lưu hành ở nhiều nước châu Âu và Bắc Mỹ. Có thể nói, đến nửa sau thế kỷ XIX, khoa học lưu trữ mới thực sự hình thành, nơi khởi phát là các nước thuộc Lục địa già như Pháp, Đức, Hà Lan...

**III Du nhập của lưu trữ học từ nước ngoài và sự tiếp thu, vận dụng của Việt Nam.**

1. **Sơ lược về lưu trữ Việt Nam thời quân chủ**.

Theo ghi chép của sử sách, từ các triều đại Lý, Trần, Lê, các hoàng đế Việt Nam đã có chủ trương lưu giữ tài liệu, sổ sách hình thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước để phục vụ cho hoạt động quản lý, như tuyển quân, thu thuế, điều động nhân lực..., nhưng thời đó, giữa văn thư và lưu trữ chưa có sự tách biệt. Đến triều Nguyễn (đầu thế kỷ XIX), lưu trữ mới bắt đầu có sự tách biệt với văn thư về mặt tổ chức. Ở chính quyền trung ương, một số cơ quan lưu trữ được thiết lập, như Tàng thư lâu để lưu giữ sổ sách, văn bản của Lục bộ; Tào Biểu bạ, đảm trách nhiệm vụ bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của Nội các... Bắt đầu xuất hiện những thuật ngữ lưu trữ bằng tiếng Hán mà đến nay còn được Trung Quốc sử dụng như “đương án” (lưu trữ, tài liệu lưu trữ), “án quyển” (hồ sơ ); tài liệu lưu trữ ở Tào Biểu bạ đã được lập hồ sơ và viết tiêu đề (tóm tắt duyên do); đã có sự phân biệt về mức độ tin cậy giữa bản chính với bản sao ( bản giáp, bản ất, bản bính)... Tuy vậy, chưa có cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào tiến hành nghiên cứu, tổng kết thực tiễn hoặc bàn thảo các vấn đề về tổ chức, quản lý và nghiệp vụ lưu trữ để tìm ra cách làm hợp lý nhất; cũng chưa có một tác phẩm nào về các vấn đề này được biên soạn và công bố.Tóm lại, dưới thời quân chủ, lưu trữ Việt Nam chưa được nghiên cứu, xây dựng thành hệ thống lý luận, biên soạn và công bố dưới hình thức các ấn phẩm. Nói cách khác, lưu trữ học chưa hình thành ở Việt Nam thờì quân chủ..

1. **Sự du nhập lưu trữ học Pháp vào Việt Nam thời Pháp thuộc**.

Pháp là quốc gia có nền hành chính và lưu trữ phát triển sớm vào bậc nhất thế giới cận đại. Sau khi thiết lập chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ, Thống đốc Nam Kỳ đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn các công sở về chế độ nộp lưu, sắp xếp và lưu trữ tài liệu theo phương pháp của lưu trữ hoc Pháp. Chẳng hạn, Quyết định số 34 ngày 3-10-1868 của Thống đốc G. Ohier quy định các công sở phải giao nộp vào lưu trữ 3 loại tài liệu sau đây:

* Các tài liệu có tính chất pháp lý
* Các tài liệu hành chính-kế toán (bao gồm cả các biên bản đấu gia, giao kèo mua bán.)
* Các tài liệu liên quan đến các công trình xây dựng (bao gồm cả bản vẽ kỹ thuật)[[8]](#endnote-8).

Còn Quyết định số 70 ngày 17-2-1875 của Thống đốc Dupre quy định: “Bản gốc tài liệu của các quy định, nghị định, quyết định, lệnh, chứng chỉ, giấy ủy quyền, giao kèo mua bán, các dự toán, sơ đồ, bản đồ, các bản thanh toán và các biên bản có liên quan đến các công sở khác nhau ở Nam Kỳ, không ngoại lệ, đều phải nộp vào Lưu trữ Hội đồng Tư mật để sao và cấp bản sao theo nhu cầu. Thư ký viên sẽ tiến hành không chậm trễ việc sắp xếp lại hoặc cất vào kho những văn bản có liên quan đến những thành phần tài liệu hoặc là những loại tài liệu được quy định trong Quyết định này, cho dù người giữ văn bản đó là ai.”[[9]](#endnote-9). Các quy định nêu trên là sự vận dụng thành quả nghiên cứu của lưu trữ học Pháp vào thực tiễn Việt Nam.

Sau khi đặt nền thống trị lên toàn cõi Việt Nam và Đông Dương, năm 1917, chính quyền thực dân thành lập Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương để quản lý công tác lưu trữ và thư viện của Việt Nam, Lào và Campuchia. Paul Boudet, quản thủ lưu trữ tốt nghiệp Trường Lưu trữ-Cổ tư học (Ecole des Chartes) được Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm làm Giám đốc. Ông đã tiến hành quản lý và thực hiện các nghiệp vụ lưu trữ dựa trên lý luận lưu trữ học Pháp thời bấy giờ. Cả một quá trình dài từ khi Pháp thiết lập chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ năm 1865 cho đến năm 1930, chính quyền đô hộ không có chủ trương nghiên cứu lưu trữ học và đào tạo viên chức lưu trữ ở Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng. Đến năm1931, Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương mới bắt đầu mở lớp đào tạo thư ký- lưu trữ viên cho toàn Đông Dương. Thời gian học tập mỗi khóa là 6 tháng, kể cả thời gian thực tập ở Kho Lưu trữ Hà Nội. Tính đến năm 1945, đã có 220 thư ký-lưu trữ viên các công sở ở Đông Dương được đào tạo tại các khóa học này. Năm 1934, các bài giảng của khóa học đã được Paul Boudet tập hợp, biên tập và xuất bản với tên sách; “Manuel de l ảrchiviste” (dịch ra tiếng Việt là “Cẩm nang lưu trữ viên” , hoặc “Sách hướng dẫn nhân viên lưu trữ” ). Cuốn sách trước hết giới thiệu sơ lược lịch sử lưu trữ Việt Nam, Lào và Campuchia, sau đó trình bày các vấn đề về văn thư , lưu trữ, như khái niệm về tài liệu lưu trữ; phương pháp lập hồ sơ; cách sắp xếp hồ sơ lên giá tủ;phương pháp phân loại tài liệu và thông tin tài liệu...[[10]](#endnote-10) Có thể xem cuốn sách này là tác phẩm lưu trữ học đầu tiên được ấn hành ở Việt Nam, nhưng của người Pháp và bằng tiếng Pháp, cho đến năm 1970 mới được Cục Lưu trữ dịch ra tiếng Việt. Bởi vậy, tác phẩm này không được nhiều người làm công tác lưu trữ Việt Nam biết đến. Ngoài ra, khi nói về lưu trữ học Việt Nam thời Pháp thuộc, thật không đầy đủ nêú bỏ sót một tác phẩm khác cũng của Paul Boudet xuất bản năm 1942: “Les archives des Empereurs Annam et l hístoire Annamite” (Lưu trữ của các hoàng đế Annam và lịch sử Annam). Với góc nhìn của lưu trữ học Pháp, tác giả cuốn sách phê phán các vương triều trước Nguyễn đã không quan tâm đến việc lưu trữ tài liệu, các văn bản gốc hầu như không được bảo tồn, khiến sử sách được biên chép nội dung không hoàn chỉnh và chân xác. Tác gỉả nêu nhận xét của tiến sỹ Hàn Dũ, một học giả Trung Quốc nổi tiếng đời Đường, rằng Người Việt không chuộng quá khứ, nên không còn chân sử (Việt tục bất hiếu cổ, lưu truyền thất kỳ chân). Paul Paul Boudet đã dành phần lớn dung lượng của tác phẩm để viết về lưu trữ triều Nguyễn và sự quan tâm của các hoàng đế Gia Long, Minh Mệnh đối với việc lưu giữ tài liệu của Hoàng triều; giới thiệu những tài liệu quý và các bảo vật như kim sách, kim ngọc bảo tỉ, văn thơ của Minh Mệnh, Tự Đức mà Lưu trữ Hoàng triều còn lưu giữ được[[11]](#endnote-11).

1. Du nhập **của lưu trữ học từ các nước XHCN, sự hình thành và phát triển của** **Lưu trữ học Việt nam**

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Nhà nước VNDCCH đã đổi tên Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương thành Nha Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc, đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục. Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chính phủ ra Sắc lệnh số 49 bổ nhiệm ông Ngô Đình Nhu giữ chức vụ Giám đốc. Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, Nha Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc không còn hoạt động. Theo một văn bản được lưu trữ ở Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, trong kháng chiến chống Pháp và thời gian đầu sau Hiệp định Giơnèvơ 1954, công tác lưu trữ được giao cho một cán bộ Thư viện Quốc gia phụ trách theo dõi, chứ không có sự chỉ đạo và quản lý thống nhất của Nhà nước. Trong quảng thời gian này, các vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ không được cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào nghiên cứu , luận bàn trên báo chí hay viết thành sách để xuất bản. Năm 1958, trước bức xúc của thực tiễn về tổ chức và quản lý công tác lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng và Phủ Thủ tướng đã cử 4 cán bộ sang Trung Quốc nghiên cứu và khảo sát về công tác văn thư, lưu trữ để về xây dựng ngành Lưu trữ của Việt Nam. Tiếp đó, Ban Bí thư đã ban hành Thông tri số 29 ngày 08-9-1958 Một số điểm về công tác văn thư, lưu trữ. Thông tri đã khẳng định ý nghĩa, giá trị của tài liệu lưu trữ và tầm quan trọng của công tác lưu trữ, yêu cầu các cơ quan, tổ chức đẩy mạnh việc sưu tầm, thu thập, sắp xếp, bảo quản tài liệuvà chấn chỉnh tổ chức lưu trữ[[12]](#endnote-12). Kể từ thời điểm này, lý luận lưu trữ học của thế giới, trước hết của Liên Xô, Trung Quốc bắt đầu du nhập, được tiếp thu và từng bước vận dụng vào thực tiễn lưu trữ Việt Nam. Rõ nét nhất là từ tháng 9 năm 1962, sau khi Cục Lưu trữ trực thuộc Phủ Thủ tướng được thành lập để giúp Nhà nước quản lý tập trung và thống nhất công tác lưu trữ. Lý luận tiên tiến về khoa học lưu trữ du nhập v vào Việt Nam chủ yếu qua các hình thức và biện pháp dưới đây:

**Qua các ấn phẩm về lưu trữ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN Đông Âu**.

Trong các thập niên 1950,1960, 1970, nhiều sách, tài liệu về chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ của Liên Xô, Trung Quốc và một số nước XHCN Đông Âu đã được Văn phòng Trung ương Đảng và Cục Lưu trữ Phủ Thủ tưỡng dịch ra tiếng Việt, đánh máy,in rôneo hoặc tipo và lưu hành đến lưu trữ tỉnh, huyện. Ví như cuốn giáo trình “Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ ở Liên Xô”, (xuất bản năm 1958); “Những nguyên tắc cơ bản trong các viện lưu trữ nhà nước Liên Xô”; “Những tri thức cơ bản về công tác lưu trữ” của Trung Quốc,v.v...

**Qua chuyên gia lưu trữ nước ngoài**.

Từ tháng 5 năm 1959 đến tháng 5 năm 1961, chuyên gia Liên Xô Emilin đã giúp Văn phòng Trung ương Đảng và Phủ Thủ tướng dự thảo Chế độ công tác văn thư, lưu trữ và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ văn thư, lưu trữ tại các lớp học ngắn ngày. Một số cơ quan trung ương và khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thời đó đã tổ chức các cuộc họp với thành phần cán bộ tham dự rộng rãi để nghe chuyên gia thuyết trình về mục đích, ý nghĩa, nội dung của công tác văn thư và công tác lưu trữ. Bài thuyết trình này đã được Văn phòng Trung ương Đảng in thành sách mỏng (“Ý nghĩa, mục đích của công tác văn thư và công tác lưu trữ”) lưu hành rộng rãi trong các cơ quan Đảng và Nhà nước. Năm 1963, một chuyên gia Liên Xô khác- Phó tiến sĩ IN. Kunticop đã được Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng mời sang giúp về công tác này. Cục đã có nhiều cuộc trao đổi, tọa đàm với chuyên gia về tổ chức, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ; tổ chức cho chuyên gia thuyết trình các vấn đề này với cán bộ lưu trữ các cơ quan trung ương và Hà Nội; đưa chuyên gia xuống làm việc với một số bộ, ngành và địa phương về các vấn đề liên quan đến công tác lưu trữ. Ngoài ra, IN. Kuntikop còn giúp Cục Lưu trữ xây dựng “Bảng thời hạn bảo quản tài liệu tiêu biểu của các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp”. Bảng thời hạn bảo quản này tuy không được ban hành chính thức, nhưng là tài liệu tham khảo quan trọng về xác định giá trị tài liệu trong những năm tháng đầu xây dựng ngành Lưu trữ Việt Nam.

**Qua cán bộ lưu trữ được đào tạo ở Liên Xô vá các nước XHCN Đông Âu**.

Trong những năm tháng đầù Việt Nam thành lập và xây dựng ngành Lưu trữ, thì ở nhiều nước XHCN, trước hết là Liên Xô, công tác lưu trữ và khoa học lưu trữ đã khá phát triển. Liên Xô có một trường đại học riêng để đào tạo cán bộ đại học và sau đại học về lưu trữ; các nước XHCN Đông Âu như CHDC Đức, Hungari, Bungari...đều thiết lập bộ môn Lưu trữ học hoặc khoa Lưu trữ học ở trường Đại học Tổng hợp của họ để đào tạo loại cán bộ này. Đó là điều kiện thuận lợi để Việt Nam cử sinh viên, nghiên cứu sinh tới học tập và nghiên cứu về lưu trữ học. Năm 1960, lần đầu tiên Văn phòng Trung ương Đảng qua con đường Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã cử 6 cán bộ và sinh viên sang học đại học lưu trữ tại Liên Xô. Đến năm 1962, lại cử thêm 15 người. Từ năm 1967 cho đến khi Liên Xô tan rã (đầu thập niên 1990), hầu như năm học nào chúng ta cũng gửi lưu học sinh học đại học lưu trữ tại Liên Xô hoặc các nước XHCN Đông Âu. Tính đến đầu thập niên 1990, Lưu trữ Việt Nam đã có trên 200 cử nhân, 8 tiến sĩ, 1 tiến sỹ khoa học về lưu trữ học được đào tạo ở Liên Xô và các nước XHCN khác. Đội ngũ cán bộ này đã đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển ngành Lưu trữ Việt Nam nói chung lưu trữ học Việt Nam nói riêng.

Trong thời gian 20 năm đầu xây dựng ngành Lưu trữ Việt Nam, từ năm 1962 đến năm 1987, chua có một tác phẩm lưu trữ học nào của Việt Nam được xuất bản. Thời gian này, lưu trữ Việt Nam chủ yếu là tiếp thu,vận dụng lý luận và kinh nghiệm công tác lưu trữ của các nước XHCN; từng bước tổng kết thực tiễn để xây dựng thành lý luận phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Cục Lưu trữ đã tổ chức nhiều cuộc họp tổng kết về công tác chỉnh lý tài liệu của các bộ, ngành và chính quyền các cấp. Theo đó, các vấn đề nghiệp vụ lưu trữ, như phân phông lưu trữ,thu thập, phân loại, xác định giá trị tài liệu... đã được bàn thảo về nội dung và phương pháp tiến hành. Những tổng kết và trao đổi vê chuyên môn nghiệp vụ có tính lý luận này đã được công bố trên tập san, tạp chí chuyên ngành của Cục Lưu Phủ Thủ tướng và một số cơ quan hữu quan như Học viện Hành chính Quốc gia, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội... nhằm thông tin rộng rãi trong cán bộ lưu trữ các ngành, các cấp.

Năm 1987, cuốn sách “Công tác lưu trữ Việt Nam” do Vũ Dương Hoan (chủ biên), Trần Văn Hùng, Phan Đình Nham, Đỗ Ngọc Phác, Vương Đình Quyền và Nguyễn Văn Thâm biên soạn đã được xuất bản. Sách đã trình bày tương đối có hệ thống các vấn đề lý luận về tổ chức, quản lý và nghiệp vụ lưu trữ trên cơ sở vận dụng lý luận lưu trữ hoc của các nước XHCN kết hợp với tri thức đúc kết từ thực tiễn lưu trữ Việt Nam[[13]](#endnote-13). Đây là tác phẩm lưu trữ học đầu tiên sau hơn 20 năm thành lập cơ quan quản lý lưu trữ nhà nước. Tiếp đó, năm 1990, giáo trình đại học “Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ” do Bộ môn Lưu trữ học Khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội biên soạn được ấn hành. Giáo trình đã trình bày khá toàn diện lý thuyết cơ bản về công tác lưu trữ trên cơ sở tham khảo lý luận lưu trữ học của các nước kết hợp với tri thức có được từ nghiên cứu và tổng kết thực tiễn lưu trữ Việt Nam[[14]](#endnote-14). Cuốn giáo trình không chỉ phục vụ cho đào tạo đại hoc lưu trữ, mà còn là tài liệu tham khảo, học tập của cán bộ lưu trữ các cơ quan trong nhiều năm sau này.

Những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, một số tác phẩm về lưu trữ học dưới hình thức giáo trình, sách chuyên khảo, kỷ yếu hội thảo khoa học... đã lần lượt được xuất bản. Nhìn chung, nội dung của các tác phẩm đều hướng vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn lưu trữ Việt Nam. Ví như các tác phẩm: “Phương pháp lựa chọn và loại hủy tài liệu ở các cơ quan” của Dương Văn Khảm; “Lưu trữ tài liệu của các cơ quan, tổ chức” của Nguyễn Minh Phương và Triệu Văn Cường; “Lịch sử lưu trữ Việt Nam” của Nguyễn Văn Thâm, Vương Đình Quyền, Đào Thị Diến và Nghiêm Kỳ Hồng; “Lưu trữ hoc đại cương” của Phan Đình Nham và Bùi Loan Thùy; “Tổ chưc và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân” –“Kỷ yếu Hội thảo khoa học” của Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội ; “Từ điển tra cứu nghiệp vụ Quản trị văn phòng- Văn thư-Lưu trữ Việt Nam” của Dương Văn Khảm, v.v...

Cùng với các tác phẩm lưu trữ học được xuất bản chính thức, có khá nhiều đề tài cấp nhà nước, cấp ngành và cấp cơ sở,luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ nhằm giải quyết những vấn đề mà thực tiễn lưu trữ Việt Nam đặt ra đã được triển khai nghiên cứu. Không ít kết quả nghiên cứu đả được công bố trên các tập san, tạp chí khoa hoc của ngành Lưu trữ và các ngành có liên quan khác. Các kết quả nghiên cứu cũng đã cung cấp những cứ liệu cần thiết để Đảng, Nhà nước, các ngành, các cấp tiến hành quản lý, chỉ đạo công tác lưu trữ được đúng đắn và hiệu quả. Có thể nói, từ nửa sau thập niên 1980, lưu trữ học Việt Nam đã hình thành và ngày càng có thêm nhiều công trình nghiên cứu, nhiều ấn phẩm lưu trữ thể hiện sự tiến bộ và phát triển trong lĩnh vực khoa học này của đất nước.. Đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI, khi Việt Nam hội nhập ngày một sâu rộng với Quốc tế , cùng với sự tiến bộ của khoa học-công nghệ,Lưu trữ Việt Nam có thêm nhiều cơ hội thuận lợi để tiếp cận,tiếp thu, vận dụng có phê phán và chọn lọc khoa học lưu trữ của thế giới, chúng ta càng có điều kiện thuận lợi để xây dựng một nền lưu trữ học tiên tiến, làm cơ sở cho Lưu trữ Việt Nam phát triển bền vững và nhanh chống hơn.

Ngoài ra, thiết nghĩ cũng cần nói thêm rằng, trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975, ngoài Nhà nước VNDCCH, Ở Miền Nam còn có chính quyền Sài Gòn do Mỹ lập ra. Ở đây, hệ thống tổ chức lưu trữ đã được xây dựng từ năm 1959 dưới thời Ngô Đình Diệm.Cơ quan đầu ngành là Nha Giám đốc Văn khố và Thư viện Quốc gia, đặt trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục. Do hoàn cảnh chiến tranh và các nguyên nhân khác, chính quyền Sài Gòn chỉ quan tâm tác nghiệp đối với tài liệu của chính quyền đương đại dưạ trên cơ sở lý luận lưu trữ học của các nước phương Tây. Còn đối với tài liệu của thời kỳ trung cổ và cận đại Việt Nam thì hầu như chỉ cất giữ trong kho, không tổ chức khai thác sử dụng, ngoại trừ khối tài liệu châu bản triều Nguyễn đã được dịch thuât và công bố một phần do có tài trợ về kinh phí của nước ngoài. Về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chính quyền Sài Gòn cũng chỉ tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn và cử một số ít viên chức lưu trữ đi tu nghiệp ở nước ngoài, chứ không mở trường lớp đào tạo chính quy và tổ chức nghiên cứu về lưu trữ học. Tuy vậy, trong giai đoạn này, có 2 cuốn sách mang tính học thuật về lưu trữ học đã được ấn hành. Thứ nhất là tác phẩm “Lưu trữ hồ sơ” của Nguyễn Hùng Cường, xuất bản năm 1971[[15]](#endnote-15).Cuốn sách đã giới thiệu sơ lược lịch sử lưu trữ Pháp, Hoa Kỳ, Anh quốc, lưu trữ Việt Nam thời Pháp thuộc và lưu trữ của chính quyền Sài Gòn; hướng dẫn cách lập hồ sơ, biên mục, sắp xếp tài liệu, làm thẻ tra tìm, phân loại tài liệu và thông tin tài liệu... Cuốn thứ hai có tên “Cẩm nang văn khố”, ấn hành năm 1972, do Nguyễn Ứng Long, Giám đốc nha Văn khố Quốc gia chủ biên. Tác phẩm này chủ yếu dịch thuật một số bài viết về văn thư, lưu trữ của các nhà lưu trữ học Âu Mỹ như, T.R.Schellenberg, Yves Petrolin, A. Scherer... ra tiếng Việt để học viên các lớp huấn luyện thủ thư lưu trữ và nhân viên lưu trữ các công sở tham khảo, học tập. Ngoài ra, sách còn giới thiệu khái quát tổ chức lưu trữ của chính quyền Sài Gòn và một số văn bản pháp quy lưu trữ[[16]](#endnote-16). Từ 2 tác phẩm lưu trữ học nói trên, cho thấy lưu trữ miền Nam thuộc chính quyền Sài Gòn chủ yếu được tổ chức và tác nghiệp theo lý luận của Pháp và các nước phương Tây, chưa có sự nghiên cưú và tổng kết thực tiễn đễ xây dựng hệ thống lý luận lưu trữ học phản ánh thực tiễn Việt Nam. Ngoài 2 tác phẩm trên, còn có một công trình nghiên cứu về lịch sử lưu trữ dưới hình thức tiểu luận Cao học lịch sử có tiêu đề: “Văn khố Việt Nam” của Nguyễn Tư Lạc, sỹ quan phụ trách Lưu trữ Quân đội Sài Gòn. Luận văn được hoàn thành năm 1973 tại Trường Đại học Văn khoa, Viện Đại học Sài Gòn dưới sự hướng dẫn của giáo sư Nghiêm Thẩm.Tiểu luận này đã nghiên cứu về lịch sử lưu trữ Việt Nam thời phong kiến, thời Pháp thuộc và lịch sử lưu trữ của chính quyền Sài Gòn. Trong đó, lưu trữ của chính quyền Sài Gòn được phản ánhvà nhận xét đầy đủ và cụ thể nhất[[17]](#endnote-17).

**Lời kết**.

Lưu trữ học là một khoa học liên ngành, có đối tượng nghiên cứu khá rộng. Dưới thời quân chủ, lưu trữ học chưa hình thành ở Việt Nam. Thời Pháp thuộc, công tác lưu trữ ở Việt Nam tiến hành trên cơ sở lý luận được du nhập từ Pháp, thể hiện trong “Sách hướng dẫn nhân viên lưu trữ” của Paul Boudet. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, do hoàn cảnh chiến tranh và một số nguyên nhân khác, cả một quá trình ngót 2 thập niên, Lưu trữ Việt Nam thiếu sự quản lý thống nhất của Nhà nước VNDCCH. Lý luận khoa học về lưu trữ chỉ thực sự được vận dụng vào thực tiễn lưu trữ Việt Nam kể từ cuối thập niên 1950, đầu thập niên 1960, khi công tác lưu trữ bắt đầu có sự quản lý của Nhà nước. Hệ thống lý luận này chủ yếu được du nhập từ Liên Xô và các nước XHCN khác thời bấy giờ. Lưu trữ học Việt Nam hình thành rõ nét và ngày một phát triển kể từ nửa sau thập niên 1980 khi 2 cuốn sách có tính học thuật được xuất bản, nhiều vấn đề mà thực tiễn lưu trữ Việt Nam đặt ra được nghiên cứu, bàn thảo hoặc biên soạn thành sách và thu hút sự tham gia của đông đảo người làm công tác lưu trữ và giới khoa học ./.

**Chú thích**:

1. . Cục Lưu trữ Nhà nước,Từ điển lưu trữ Việt Nam, Hà Nội, 1990, trang47 [↑](#endnote-ref-1)
2. . Vương Đình Quyền chủ biên, Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội 1990, trang 18. [↑](#endnote-ref-2)
3. . Từ điển Từ hải, NXB Từ điển và Sách Thượng Hải, 1989,trang 146, tiếng Trung [↑](#endnote-ref-3)
4. . Các viện lưu trữ và công tác lưu trữ nước ngoài, M.1957, tập 2, trang 36, tiếng Nga. [↑](#endnote-ref-4)
5. . M.F.Pê -rôp-skai-a, Hệ thống hóa tài liệu văn kiện trong các viện lưu trữ Xô Viết, M.1959, trang 11, tiếng Nga. [↑](#endnote-ref-5)
6. . V.V. Xô-rô-kin, Học thuyết Lê-nin và mối quan hệ đối với khoa học tư sản về sự đánh giá “nguyên tắc xuất sinh” , Báo cáo khoa học của Trường Đại học Lưu trữ -lịch sử Mat-scơ-va,1975,trang 31 ,32 , tiếng Nga. [↑](#endnote-ref-6)
7. . M.F.Pê-tơ-rôp-skai-a, sdd, trang 12 [↑](#endnote-ref-7)
8. . Nguyễn Văn Thâm,Vương Đình Quyền, Đào Thị Diến, Nghiêm Kỳ Hồng, Lịch sử lưu trữ Việt Nam, NXB ĐHQG Thành phố HCM, 2010, tr 118 [↑](#endnote-ref-8)
9. . Nguyễn Văn Thâm,Vương Đình Quyền... Sdd, tr 119 [↑](#endnote-ref-9)
10. . Paul Boudet, Sách hướng dẫn nhân viên lưu trữ,1934,Tư liệu Cục Văn thư và Luu trữ nhà nước, bản dịch tiếng Việt, 1970. [↑](#endnote-ref-10)
11. . Paul Boudet, Lưu trữ của các hoàng đế Annam vá lịch sử Annam, 1942,Tư liệu Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, bản dịch tiếng Việt [↑](#endnote-ref-11)
12. . Những văn kiện chủ yếu của Đảng và Nhà nước về công tác công văn, giấy tờ và công tác lưu trữ, Cục Lưu trữ xuất bản, Hà Nội, 1982,,trang 31-34. [↑](#endnote-ref-12)
13. . Vũ Dương Hoan chủ biên, Công tác lưu trữ Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987. [↑](#endnote-ref-13)
14. . Vương đình Quyền chủ biên, Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ, NXB Đại hoc và Giáo dục chuyên nghiệp; Hà Nội, 1990 [↑](#endnote-ref-14)
15. . Nguyễn Hùng Cường, Lưu trữ hồ sơ, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa,Sài Gòn, 1971. [↑](#endnote-ref-15)
16. . Nguyễn Ứng Long chủ biên, Cẩm nang văn khố, Tủ sách Văn khố, Sài Gòn, 1972. [↑](#endnote-ref-16)
17. . Nguyễn Tư Lạc, Văn khố Việt Nam, tiểu luận Cao học sử học,Trường Đại học Văn khoa, Viện Đại học Sài Gòn, 1973.

    Bài viết gửi đăng Tạp chí Văn ttư, Lưu trữ Việt Nam, số 1-2019 [↑](#endnote-ref-17)